

CHIẾN DỊCH BẮC TÂY NGUYÊN TRONG CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC XUÂN - HÈ NĂM 1972

TRẦN QUỐC DŨNG*

Tóm tắt: Chiến dịch Bắc Tây Nguyên năm 1972 là hướng tiến công quan trọng trong cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 của quân và dân ta. Dưới sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh chiến dịch, trên cơ sở xác định đúng hướng chủ yếu Đắc Tô - Tân Cảnh, ta hiệp đồng binh chủng, vận dụng vây hãm kết hợp đột phá, nhanh chóng tiêu diệt cụm phòng ngự then chốt, làm rung chuyển hệ thống phòng thủ địch ở Bắc Tây Nguyên. Tuy nhiên, trong tiến công Kon Tum, do hạn chế về công tác bảo đảm, hiệp đồng và nắm thời cơ, ta chưa giải phóng được thị xã. Mặc dù vậy, chiến dịch vẫn giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, góp phần tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, làm thay đổi cục diện chiến trường miền Nam, đồng thời để lại bài học về tổ chức chỉ huy, lựa chọn hướng, sử dụng lực lượng và nghệ thuật chiến dịch.

Từ khóa: Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên, Chiến dịch Bắc Tây Nguyên; Xuân - Hè 1972; Đắc Tô - Tân Cảnh.

Abstract: The Northern Central Highlands Campaign of 1972 constituted a key axis of advance within the strategic Spring–Summer Offensive of 1972 conducted by our people and army forces. Under the command of the Campaign High Command, and on the basis of correctly identifying the main direction of attack at Đắc Tô-Tân Cảnh, the forces effectively coordinated combined arms operations, employing tactics of encirclement in conjunction with breakthrough assaults to rapidly destroy a critical defensive complex, thereby shaking the enemy’s defensive system in the Northern Central Highlands. However, during the offensive against Kon Tum, due to limitations in logistical support, coordination, and the timely exploitation of opportunities, the objective of liberating the town was not achieved. Nevertheless, the campaign secured a strategically significant victory, contributing to the attrition of enemy forces, the expansion of liberated areas, and the transformation of the military situation in the southern battlefield. At the same time, it yielded important lessons regarding command organization, the selection of operational directions, the employment of forces, and the art of campaign-level warfare.

Keywords: Central Highlands Front Command, Northern Central Highlands Campaign, Spring–Summer 1972, Đắc Tô - Tân Cảnh.

Ngày nhận bài: 30/10/2025; Ngày phản biện: 30/11/2025; Ngày duyệt đăng: 26/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên năm 1972 là hướng tiến công quan trọng trong cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972 của quân và dân ta. Dưới sự chỉ huy của Bộ Tư lệnh chiến dịch, trên cơ sở xác định đúng hướng chủ yếu Đắc Tô - Tân Cảnh, ta hiệp đồng binh chủng, vận dụng vây hãm kết hợp đột phá, nhanh chóng tiêu diệt cụm phòng ngự then chốt, làm rung chuyển hệ thống phòng thủ địch ở Bắc Tây Nguyên. Tuy nhiên, trong tiến công Kon Tum, do hạn chế về công tác bảo đảm, hiệp đồng và nắm thời cơ, ta chưa giải phóng được thị xã. Mặc dù vậy, chiến dịch vẫn giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, góp phần tiêu

diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, làm thay đổi cục diện chiến trường miền Nam, đồng thời để lại bài học về tổ chức chỉ huy, lựa chọn hướng, sử dụng lực lượng và nghệ thuật chiến dịch.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Những biến chuyển mới về lực lượng và thế chiến lược giữa ta và địch trên chiến trường trước cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972

Thắng lợi của chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào năm 1971 đã đánh bại cuộc hành quân *Lam Sơn 719* của quân đội Sài Gòn được Mỹ yểm trợ, làm phá sản một bước quan trọng

*ThS. Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam. Email: quocdungvb2@gmail.com

chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ, qua đó làm thay đổi cục diện chiến tranh trên bán đảo Đông Dương theo hướng có lợi cho cách mạng. Sau thất bại này, địch buộc phải chuyển dần sang thế phòng ngự chiến lược trên các khu vực và tuyến trọng yếu như Đường 9, Trị - Thiên, Tây Nguyên và khu vực Sài Gòn - Gia Định.

Quân đội Sài Gòn do phải chuyển sang phòng ngự đã bộc lộ những mâu thuẫn trong tổ chức lực lượng: giữa tập trung và phân tán, giữa phòng giữ vòng ngoài và bảo vệ hậu phương. Trong khi đó, quân Mỹ giảm dần sự tham chiến trực tiếp, những mâu thuẫn này ngày càng gay gắt. Mặc dù quân số tăng lên tới hơn 1 triệu, được trang bị hiện đại, song lực lượng này vẫn bị dàn mỏng trên toàn chiến trường. Cụ thể, ở Quân khu 2, các sư đoàn 22 và 23 là lực lượng chủ lực cơ động chủ yếu, phải phân tán trên địa bàn rộng lớn từ duyên hải Nam Trung Bộ đến Tây Nguyên, giữ vai trò nòng cốt trong thế phòng ngự trên một khu vực gồm nhiều tỉnh trọng yếu; Ở Trị - Thiên, Sư đoàn 3 cùng lực lượng thủy quân lục chiến (dự bị chiến lược) bị kéo giãn, phải phòng giữ tuyến Đường 9 - Bắc Quảng Trị từ Cửa Việt đến Lao Bảo (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015: 11). Tình trạng phân tán lực lượng làm cho hệ thống phòng ngự của địch bị kéo căng, thiếu chiều sâu và dễ bị đột phá.

Đồng thời, quá trình rút quân của Mỹ và đồng minh đã làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng. Đến trước ngày 1-5-1972, quân Mỹ trên chiến trường Việt Nam chỉ còn khoảng 69.000 quân, trong khi quân đồng minh giảm từ 69.000 quân năm 1968 xuống còn 38.000 quân năm 1972 (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015: 10). Việc rút quân này buộc quân đội Sài Gòn phải điều quân chấp vá thay thế, dẫn đến thế bố trí chiến lược mỏng yếu, “trống lưng, hở sườn”, không bảo đảm khả năng phòng thủ vững chắc.

Về phía ta, năm 1971, trên chiến trường miền Nam, lực lượng vũ trang phát triển mạnh cả về quy mô và chất lượng, gồm 7 sư đoàn, 19 trung đoàn chủ lực cơ động, 95 tiểu đoàn, 350 đại đội, 185 trung đội bộ đội địa phương cùng hàng chục vạn du kích, tự vệ (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015: 12). Các đơn vị chủ lực được bố trí trên những địa bàn chiến lược trọng yếu, hình thành thế trận xen kẽ với đối phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cơ động lực lượng và mở các chiến dịch quy mô lớn. Đồng thời, từ hậu phương miền Bắc, nhiều đơn vị chủ lực và binh chủng kỹ thuật như xe tăng, pháo binh, phòng không... được tăng cường, nâng cao khả năng tác chiến hiệp đồng binh chủng.

Trong khi đó, miền Bắc - hậu phương chiến lược của cuộc kháng chiến mặc dù bị Mỹ đánh phá, nhưng vẫn giữ vững ổn định, đẩy mạnh sản xuất và tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm chi viện ngày càng lớn cho chiến trường miền Nam. Đặc biệt, trên tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn, hệ thống giao thông được mở rộng với tổng chiều dài hơn 20.300km, cùng tuyến đường ống xăng dầu dài đến Bù Gia Mập gần 1.400km, tạo khả năng bảo đảm vật chất quy mô lớn cho tác chiến (Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bộ Tổng Tham mưu, 2010: 310). Cùng với đó, đến năm 1971, miền Bắc đã chi viện cho miền Nam 135.663 tấn lương thực, 29.389 tấn xăng dầu cùng nhiều vũ khí, trang bị quan trọng (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015: 18, 19).

So sánh thế và lực giữa ta và địch trên chiến trường, “ta đang thế thắng, thế chủ động, thế thuận lợi, thế đi lên, mặc dầu còn có những khó khăn và nhược điểm cần phải khắc phục; địch đang ở thế thua, thế bị động, thế khó khăn, thế đi xuống, mặc dầu chúng đang còn nhiều lực lượng và có những chỗ mạnh tạm thời” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2004: 142). Cục diện chiến trường chuyển biến nhanh theo hướng có

lợi cho cách mạng, tạo thời cơ để ta đẩy mạnh tiến công trên toàn chiến trường Đông Dương.

Trên cơ sở đánh giá tình hình, tháng 5-1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ: “Kịp thời nắm lấy thời cơ lớn, trên cơ sở phương châm chiến lược đánh lâu dài, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị, ngoại giao, phát triển thể chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường miền Nam và trên cả chiến trường Đông Dương, đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Campuchia và Lào, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài” (Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, 05-1971).

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, tháng 6-1971, Quân ủy Trung ương họp nghiên cứu về tình hình chiến trường miền Nam, Campuchia, Lào, xác định quyết tâm chiến lược năm 1972: “Tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị trên cả ba vùng, trên khắp các chiến trường Đông Dương, miền Nam Việt Nam là chiến trường chính, giành thắng lợi cao nhất” (Nghị quyết Quân ủy Trung ương, Số 236, 06-1971). Tại hội nghị này, sau khi tổng hợp, phân tích lượng thông tin về tình hình địch, ta ở chiến trường Nam Bộ, Khu 5, Tây Nguyên và Trị - Thiên, Quân ủy Trung ương dự kiến kế hoạch tác chiến trong năm 1972, cụ thể: Hướng chủ yếu số 1 là chiến trường biên giới Campuchia và miền Đông Nam Bộ; Hướng chủ yếu số 2 là chiến trường Tây Nguyên; Hướng phối hợp quan trọng là miền núi tây Trị - Thiên. Tuy Trị - Thiên là hướng phối hợp quan trọng, nhưng lại gần miền Bắc, có điều kiện bảo đảm hậu cần, vì vậy phải gấp rút chuẩn bị để có thể đánh lớn khi cần thiết hoặc có lợi (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2015: 29).

Sau quá trình chuẩn bị khẩn trương, tháng 3-1972, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam. Cuộc tiến công Xuân - Hè năm 1972 được triển khai trên ba hướng chủ yếu: Đường 9 - Trị Thiên, Bắc Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, kết hợp với các chiến trường phối hợp, nhằm tiêu diệt lớn quân địch, mở rộng vùng giải phóng và làm thay đổi cục diện chiến tranh.

Trên cơ sở kết quả chuẩn bị và sự thay đổi về thể bố trí chiến lược của địch, ngày 11-3-1972, Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định phương hướng cuộc tiến công chiến lược năm 1972: chuyển Trị - Thiên từ hướng phối hợp quan trọng thành hướng chiến lược chủ yếu; Miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên từ các hướng chủ yếu trước đó được điều chỉnh cùng với Khu 5 đẩy mạnh tác chiến quy mô vừa và lớn, hình thành một cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam nhằm tiêu diệt lớn quân địch, mở rộng vùng giải phóng và làm thay đổi so sánh lực lượng, cục diện chiến tranh. Đến ngày 23-3-1972, Bộ Chính trị chính thức thông qua kế hoạch tiến công chiến lược năm 1972.

2.2. Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên chỉ đạo cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972

2.2.1. Chiến trường Tây Nguyên trước Xuân - Hè năm 1972

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng ở phía Tây Nam Trung Bộ, gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Phú Bổn, với diện tích khoảng 36.000km², có vị trí liên kết giữa miền Trung, Đông Nam Bộ và hai nước Lào, Campuchia. Đặc biệt, Bắc Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai) có địa hình hiểm trở, rừng núi chiếm tỷ lệ lớn, là khu vực then chốt trong hệ thống phòng ngự chiến lược của địch.

Trong chiến lược quân sự của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, Tây Nguyên được xác định là vị trí chiến lược cơ động hết sức quan trọng trên toàn Đông Dương, là một bàn đạp nằm lọt giữa các miền Trung Nguyên, Nam Phần và

liên kết dính liền về địa thế chiến trường với vùng Đông Miên, Hạ Lào và thông ra Bắc (Tòa Đại biểu Chính phủ Cao Nguyên Trung Phần, Việt Nam Cộng hòa, 1960). Vì vậy, địch bố trí Sở Chỉ huy Vùng 2 chiến thuật tại Pleiku¹, đồng thời tăng cường lực lượng phòng thủ, đặc biệt tại Kon Tum để đối phó với khả năng tiến công của ta.

Ngay từ đầu năm 1972, địch tăng cường lực lượng tại khu vực trọng điểm Đăk Tô - Tân Cảnh, điều Trung đoàn 47 phối hợp với Trung đoàn 42 tổ chức phòng thủ, củng cố công sự, tăng cường vật cản và dự trữ hậu cần tại Căn cứ 42. Đồng thời, địch đẩy mạnh hoạt động trinh sát, đánh phá kho tàng và tuyến vận chuyển của ta trên các khu vực Pô Kô Hạ, trục đường 18, 60, 70, qua đó phát hiện một số hoạt động của các đơn vị: Trung đoàn 95, Trung đoàn 28 và Sư đoàn 320.

Do lo ngại khả năng phòng thủ của lực lượng tại chỗ, ngày 4-3-1972, địch điều Lữ đoàn dù 2 lên Kon Tum, lập tuyến phòng ngự vòng ngoài ở phía Tây sông Pô Kô. Đồng thời, tăng cường các lực lượng biệt động và biên phòng hoạt động ở khu vực Plei Kần, Kon Kô nhằm ngăn chặn hoạt động chuẩn bị chiến dịch của ta. Đến thời điểm mở màn chiến dịch (30-3-1972), địch tập trung tại Tây Nguyên 22 tiểu đoàn bộ binh (thuộc 7 trung đoàn của các sư

đoàn 22, 23), Lữ đoàn dù 2, Liên đoàn 2 biệt động quân; 8 tiểu đoàn thiết giáp (thuộc các trung đoàn 19, 3, 14, 8), gần 10 tiểu đoàn pháo binh cùng lực lượng không quân yểm trợ. Ngoài ra, còn có 25 đại đội bảo an, 112 trung đội dân vệ và nhiều lực lượng hỗ trợ khác (Lịch sử bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3 (1964-2005), 2005: 328, 329).

Trên địa bàn Bắc Tây Nguyên, địch xây dựng ba cụm phòng ngự chủ yếu: Đăk Tô - Tân Cảnh, thị xã Kon Tum và thị xã Pleiku. Trong đó, Đăk Tô - Tân Cảnh là khu vực trọng điểm, bố trí Sở Chỉ huy nhẹ Sư đoàn 22, các Trung đoàn 42, 47, một bộ phận Trung đoàn 41, Trung đoàn 14 thiết giáp, cùng lực lượng pháo binh và bảo an. Kon Tum và Pleiku là các khu vực phòng ngự chiều sâu, tập trung lực lượng dù, biệt động quân và Sư đoàn 23 cùng các đơn vị binh chủng. Hệ thống phòng ngự của địch được tổ chức theo ba tuyến: tuyến ngoài là các cứ điểm biên phòng; tuyến giữa là lực lượng chủ lực cơ động; tuyến trong là lực lượng bảo an, dân vệ. Các căn cứ được xây dựng kiên cố, có hệ thống vật cản dày đặc, nhiều lớp rào dây thép gai (Căn cứ 42 có tới 14 lớp), kết hợp mìn chống tăng, mìn bộ binh và hỏa lực pháo binh, không quân yểm trợ mạnh, kể cả B-52.

Nhìn chung, địch có ưu thế về hỏa lực, khả năng cơ động và hệ thống phòng ngự kiên cố. Tuy nhiên, do bố trí lực lượng phân tán trên địa bàn rộng, địa hình bị chia cắt, lực lượng dự bị mỏng, tiếp tế khó khăn và tinh thần chiến đấu suy giảm, nên hệ thống phòng ngự bộc lộ nhiều sơ hở, dễ bị chia cắt, bao vây và tiêu diệt từng bộ phận.

Căn cứ nhiệm vụ trên giao, cuối tháng 10-1971, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên họp triển khai kế hoạch chiến dịch Xuân - Hè năm 1972, xác định hướng tiến công chủ yếu là Đăk Tô - Tân Cảnh, các hướng phối hợp là Gia Lai và Đăk Lăk. Trên cơ sở đó, dự kiến tiến trình chiến dịch gồm ba bước:

Bước 1: Tập trung lực lượng bao vây và tiến công tiêu diệt toàn bộ tập đoàn phòng ngự của

¹ Ngày 1-10-1957, Vùng 2 chiến thuật - Quân đoàn 2 được thành lập, đảm nhận hoạt động tác chiến toàn bộ vùng cao nguyên Trung Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ, gồm các tỉnh: Kon Tum, Pleiku, Phú Bổn, Bình Định, Phú Yên, Đăk Lăk, Khánh Hoà, Quảng Đức, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Lâm Đồng và Bình Thuận. Trong Vùng 2 chiến thuật có Vùng chiến thuật đặc biệt bán tự trị, gọi là Biệt khu 24 đóng tại thị xã Kon Tum do Trung đoàn độc lập 24 đảm nhiệm, bao gồm toàn bộ khu biên giới giáp Lào (thành lập tháng 7-1966 và giải thể tháng 4-1970). Sở Chỉ huy Vùng 2 chiến thuật đóng tại Pleiku bao gồm Khu chiến thuật 22 (Sở Chỉ huy ở Quy Nhơn) có các tiểu khu Bình Định, Phú Yên, Phú Bổn; Khu chiến thuật 23 (sở chỉ huy ở Buôn Ma Thuột) gồm các tiểu khu Đăk Lăk, Tuyên Đức, Quảng Đức, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận. Bộ Tư lệnh Vùng 2 chiến thuật - Quân đoàn 2 do Thiếu tướng Trần Ngọc Tâm làm Tư lệnh đầu tiên¹. Như vậy, Tây Nguyên nằm dưới sự kiểm soát của Vùng 2 chiến thuật - Quân đoàn 2 của chính quyền Việt Nam cộng hòa.

Sư đoàn 22 và các lực lượng tăng cường ở Đắk Tô - Tân Cảnh, đồng thời tiêu diệt quân dù trên dải ngăn chặn ở tây Pô Kô.

Bước 2: Đánh chiếm thị xã Kon Tum.

Bước 3: Bao vây Pleiku và Buôn Ma Thuột, giải phóng nông thôn, khi có điều kiện thì tiến lên giải phóng hai thị xã trên (Đảng ủy Quân đoàn 3, 2009: 182, 183).

Dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên, cấp ủy các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương công tác chuẩn bị chiến dịch, đồng thời phối hợp với cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk xây dựng thể trận chiến trường. Trong quá trình chuẩn bị, một lực lượng lớn được huy động mở đường, vận chuyển vật chất, vừa bảo đảm giao thông, vừa phục vụ triển khai lực lượng.

Để khắc phục tình trạng độc tuyến, ta huy động 12 vạn ngày công mở mới 508 km đường (50K, 60, 70A, 110), đồng thời sửa chữa, nâng cấp 480km đường cũ và khai thông hàng trăm kilômét đường sông. Trên mặt trận vận tải, một chiến dịch vận chuyển quy mô lớn được tổ chức với sự tham gia của nhiều đơn vị, hình thành 5 tuyến vận tải cơ giới kết hợp với vận tải bộ. Nhờ đó, từ tháng 1 đến tháng 6-1972, ta bảo đảm 6.137 tấn hàng, gồm 932 tấn đạn dược, 5.311 tấn lương thực, 315 tấn muối, 383 tấn thực phẩm cùng hàng trăm nghìn lít xăng, dầu; trong đó vận tải cơ giới chiếm 89% (Lịch sử bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3 (1964-2005), 2005: 324, 325). Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Tây Nguyên bảo đảm hậu cần cho một chiến dịch tiến công lớn với nhiều binh chủng kỹ thuật tham gia.

Cùng với bảo đảm hậu cần, lực lượng chủ lực được tăng cường mạnh cho Tây Nguyên. Từ tháng 1 đến tháng 3-1972, ta bổ sung các đơn vị như Sư đoàn 320A, Sư đoàn 2 (thiếu Trung đoàn 31), Trung đoàn 24B cùng nhiều đơn vị pháo binh, phòng không, đặc công, thông tin và vận

tải. Trước khi chiến dịch mở màn, lực lượng chủ lực B3 gồm 2 sư đoàn bộ binh, 4 trung đoàn bộ binh độc lập, 1 trung đoàn đặc công, 2 trung đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn xe tăng, 4 tiểu đoàn phòng không, 2 trung đoàn công binh và nhiều đơn vị bảo đảm, với tổng quân số 47.647 người, gấp 2 lần năm 1971 (Mặt trận Tây Nguyên, 1972, tờ 2). Đây là bước phát triển vượt bậc, tạo cơ sở cho tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn. Đồng thời, nhiều cán bộ lãnh đạo, chỉ huy được tăng cường cho chiến trường. Đồng chí Trương Chí Cương được cử làm Chính ủy chiến dịch, đồng chí Nguyễn Hòa làm Tư lệnh phó; các cơ quan Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần cũng cử cán bộ vào tăng cường chỉ đạo chiến dịch.

Để tạo thế và phân tán lực lượng địch, từ ngày 20-2 đến 26-3-1972, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên mở đợt tiến công trước chiến dịch, đánh 226 trận, diệt 1.150 tên địch, phá hủy 304 xe quân sự, bắn rơi 15 máy bay. Kết quả này góp phần làm suy yếu địch, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai chiến dịch.

Thực hiện quyết tâm chiến lược, ngày 23-3-1972, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ cho Mặt trận Tây Nguyên: tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng chủ lực Quân đoàn 2, giải phóng Đắk Tô - Tân Cảnh và thị xã Kon Tum, khi có điều kiện phát triển xuống Pleiku, mở rộng căn cứ địa (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2001: 293). Đồng thời, Bộ Tư lệnh chiến dịch được thành lập, do Thiếu tướng Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, đồng chí Trương Chí Cương làm Chính ủy. Trên cơ sở đó, Bộ Tư lệnh chiến dịch lựa chọn khu vực Bắc Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai) làm địa bàn tiến công, nơi có địa hình rừng núi phức tạp, thuận lợi cho che giấu lực lượng và triển khai thể trận, nhưng cũng đặt ra nhiều khó khăn về bảo đảm hậu cần, cơ động và tiếp tế.

Như vậy, trước khi chiến dịch nổ súng, ta có nhiều thuận lợi cơ bản: lực lượng mạnh,

được tăng cường binh chủng kỹ thuật, hậu phương chi viện lớn, địa hình thuận lợi cho tác chiến. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những khó khăn như bảo đảm hậu cần trong điều kiện địa hình rừng núi, tuyến vận chuyển dài, địch đánh phá ác liệt, trình độ hiệp đồng binh chủng chưa đồng đều và kinh nghiệm tác chiến đô thị còn hạn chế.

2.2.2. Lực lượng vũ trang Tây Nguyên tiến hành cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972

Sau khi nhận nhiệm vụ tiến hành cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972, Bộ Tư lệnh chiến dịch xác định cách đánh: nghi binh kéo lực lượng chủ lực Quân đoàn 2 và dự bị địch ra khỏi công sự ở các khu vực có lợi (Tây sông Pô Kô, Bắc Võ Định) để đánh vận động, tiêu hao và chia cắt; sau đó đột phá hệ thống phòng ngự, đánh chiếm Đắc Tô - Tân Cảnh, Kon Tum, đồng thời cắt giao thông Đường 14 và phối hợp lực lượng địa phương tiến công hậu phương địch (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2001: 294).

Lực lượng được tổ chức theo các hướng: Sư đoàn 320 (thiếu), Trung đoàn 28 đánh vận động ở Tây sông Pô Kô, Võ Định; Sư đoàn 2 (thiếu), tăng cường Trung đoàn 66 tiến công Đắc Tô - Tân Cảnh; pháo binh chiến dịch tổ chức thành hai cụm bảo đảm chi viện cho cả hai hướng. Để thuận lợi chỉ huy, tháng 2-1972, Mặt trận thành lập Sở Chỉ huy tiền phương (Mặt trận cánh Đông với mật danh Thăng Long), do đồng chí Nguyễn Mạnh Quân làm Tư lệnh và đồng chí Đặng Vũ Hiệp làm Chính ủy, cùng các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần.

Chiến dịch được chia làm hai đợt. Đợt 1: Nghi binh tạo thế kéo địch ra đánh vận động ở dãy điểm cao phía Tây sông Pô Kô và Bắc Võ Định để tiêu diệt, sau đó phát triển tiến công Đắc Tô - Tân Cảnh, gồm các bước: kéo địch ra khu vực tây sông Pô Kô, Bắc Võ Định để tiêu diệt, sau đó tiến công Đắc Tô - Tân Cảnh. Đợt

2: Tiến công giải phóng thị xã Kon Tum, sau đó căn cứ tình hình sẽ phát triển xuống Pleiku.

Đợt 1: Tiến công tuyến phòng thủ phía Tây sông Pô Kô và giải phóng Đắc Tô - Tân Cảnh

Bước 1: Đánh địch trên dãy điểm cao phía Tây sông Pô Kô

Thực hiện kế hoạch tác chiến, ngày 30-3-1972, Sư đoàn 320 tổ chức vây ép địch tại các điểm cao 1049 và 1015. Sau nhiều ngày chiến đấu, đến rạng sáng 15-4, ta làm chủ Điểm cao 1015, tiêu diệt gọn Tiểu đoàn 11 dù, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch. Các cuộc phản kích tiếp theo của địch đều bị đánh bại, buộc chúng phải điều chỉnh lực lượng về giữ Kon Tum.

Phối hợp các hướng, Sư đoàn 2 tiến công Đắc Tô 2, Trung đoàn 95 chốt chặn Đường 14, tiêu diệt nhiều đoàn xe tiếp tế, làm gián đoạn vận chuyển của địch; lực lượng địa phương tập kích các mục tiêu trong thị xã Kon Tum. Kết quả, tuyến phòng thủ phía Tây sông Pô Kô bị chọc thủng, cụm cứ điểm Đắc Tô - Tân Cảnh bị bao vây cô lập.

Kết thúc bước 1 của chiến dịch, lực lượng vũ trang Tây Nguyên đã tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận quan trọng sinh lực địch; tuyến phòng thủ phía Tây sông Pô Kô bị phá vỡ; nhiều mục tiêu quan trọng của địch bị ta tiến công uy hiếp; Căn cứ Đắc Tô - Tân Cảnh địch bị bao vây cô lập. Trong khi đó, chúng lại phải điều động tới hơn một nửa quân dù đi ứng cứu ở chiến trường khác, nên lực lượng chủ lực địch ở đây bị suy yếu. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch quyết định điều chỉnh quyết tâm: Không cần kéo địch ra khu vực Võ Định để tiêu diệt như dự kiến ban đầu (không thực hiện bước 2 chiến dịch) mà chuyển sang tiến công ngay vào cụm cứ điểm phòng ngự then chốt Đắc Tô - Tân Cảnh, thực hiện bước 3 chiến dịch (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2022: 76).

Bước 2: Tiến công giải phóng Đắk Tô - Tân Cảnh

Cụm cứ điểm phòng ngự Đắk Tô - Tân Cảnh nằm trên Đường 18, cách thị xã Kon Tum 37km về phía Bắc - Tây Bắc, giữ vị trí then chốt trong tuyến phòng ngự bảo vệ phía Bắc Kon Tum. Trong đó, Căn cứ 42 - Tân Cảnh là căn cứ lớn nhất, đồng thời là trung tâm chỉ huy của cụm phòng ngự. Lực lượng địch tại đây gồm: Bộ Chỉ huy nhẹ Sư đoàn 22, Trung đoàn 42, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 24 bộ binh, 1 thiết đoàn xe tăng, thiết giáp, cùng các đơn vị pháo binh, biệt động quân biên phòng Kon Tum, lực lượng bảo vệ sở chỉ huy, biệt kích và công binh, với tổng quân số khoảng 1.500 tên.

Về phía ta, kế hoạch tiến công Căn cứ 42 - Tân Cảnh dự kiến ban đầu thực hiện ngày 10-4-1972, nhưng do công tác chuẩn bị chưa bảo đảm nên phải lùi thời gian. Trước khó khăn về bảo đảm vật chất, có ý kiến đề xuất chỉ tiến công quận lỵ Đắk Tô, song Bộ Tư lệnh chiến dịch kiên quyết giữ quyết tâm tiêu diệt cụm cứ điểm Đắk Tô - Tân Cảnh, xác định đây là trận then chốt của chiến dịch.

Để thực hiện nhiệm vụ, Bộ Chỉ huy chiến dịch sử dụng Sư đoàn 2 (thiếu), tăng cường Trung đoàn 66, 1 đại đội xe tăng T-54, 1 trung đội PT-76, Tiểu đoàn 37 (Trung đoàn đặc công 400), lực lượng pháo binh và phòng không, tổ chức tiến công cụm cứ điểm. Trong đó, Trung đoàn 66 (được tăng cường đặc công, xe tăng, tên lửa chống tăng B72, cối 120mm, ĐKZ 75mm và hỏa lực phòng không) tiến công Căn cứ 42 - Tân Cảnh; Trung đoàn 1 (thiếu) đánh Đắk Tô 2; Trung đoàn 141 đánh quận lỵ Đắk Tô; Tiểu đoàn 40 làm lực lượng dự bị. Cách đánh được xác định là vây lấn, đột phá trên bốn hướng (Đông, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam), trong đó hướng Đông là chủ yếu.

Thực hiện kế hoạch tác chiến, từ ngày 21 đến 23-4-1972, pháo binh ta tập trung bắn phá làm rối loạn hệ thống phòng ngự của địch;

chiều 23-4 tiêu diệt cứ điểm Ngọc Tú. Rạng sáng 24-4, khi pháo binh chuyển làn sang Đắk Tô 2, Sư đoàn 2 (thiếu) đồng loạt xung phong, đến 16 giờ cùng ngày làm chủ hoàn toàn Căn cứ 42 - Tân Cảnh. Cùng thời gian, Trung đoàn 1 đánh chiếm Đắk Tô 2; một bộ phận Sư đoàn 2 phối hợp Trung đoàn đặc công 400 tập kích căn cứ Diên Bình, diệt 2 liên đội bảo an, thu 6 pháo, 7 ô tô và 2 trực thăng.

Kết thúc đợt 1 chiến dịch, ta tiêu diệt gần 1.500 tên, bắt 429 tên, bắn rơi 8 máy bay, thu và phá hủy gần 100 xe quân sự, 10 khẩu pháo, cùng nhiều phương tiện chiến tranh của địch (Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2022: 79). Ta giải phóng khu vực Đường 18, làm chủ một phần Đường 14 phía Nam Tân Cảnh, phá vỡ cụm phòng ngự then chốt của địch ở Bắc Tây Nguyên, làm đảo lộn kế hoạch phòng thủ của chúng. Thắng lợi này thể hiện bước phát triển vượt bậc về trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng và kinh nghiệm tiến công vào tuyến phòng ngự vững chắc. Ngay sau khi Đắk Tô - Tân Cảnh được giải phóng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chỉ thị: “Nhiệm vụ trung tâm là tất cả để tranh thủ thời cơ giải phóng Kon Tum” (Lịch sử bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3 (1964-2005), 2005: 343), mở ra giai đoạn phát triển tiếp theo của chiến dịch.

Đợt 2: Tiến công địch cơ cụm trong thị xã Kon Tum

Sau khi mất Đắk Tô - Tân Cảnh, địch co về phòng thủ thị xã Kon Tum, lập Sở Chỉ huy tiền phương Sư đoàn 23, đồng thời tập trung lực lượng của sư đoàn này cùng Liên đoàn 6 biệt động quân từ Nam Bộ ra, tổ chức tuyến phòng ngự phía Bắc thị xã.

Về phía ta, mặc dù có thời cơ thuận lợi, song gặp khó khăn lớn về bảo đảm hậu cần và cơ động binh khí kỹ thuật do các trục đường 50K, 70B chưa thông suốt. Riêng Sư đoàn 2 chỉ còn lương thực đủ dùng trong 2 ngày. Trước

tình hình đó, Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch chủ trương trước hết tiến công tiêu diệt Liên đoàn 6 biệt động quân tại khu vực Nam Võ Định, Kon Trang Klả và các cứ điểm Kleng, Plei Kần nhằm mở thông tuyến vận chuyển; đồng thời đẩy nhanh làm đường, chuẩn bị vật chất và cơ động lực lượng để tiến công Kon Tum.

Thực hiện chủ trương trên, từ ngày 26-4 đến 10-5-1972, các Trung đoàn 28, 48, 64 đánh thiệt hại nặng Liên đoàn 6 biệt động quân; Tiểu đoàn 20 đặc công tập kích Căn cứ 42 Biển Hồ, diệt 400 tên, phá hủy 10 khẩu pháo lớn; Trung đoàn 95 diệt 3 đại đội, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội khác trên Đường 14; Trung đoàn 52 đánh chiếm cứ điểm Kleng, tiêu diệt Tiểu đoàn 62 biệt động quân. Tuy nhiên, Trung đoàn 66 do chủ quan, hiệp đồng chưa chặt chẽ, chỉ huy thiếu sâu sát nên trận đánh Plei Kần không đạt kết quả, đơn vị bị tổn thất và phải lui ra củng cố.

Lợi dụng thời điểm ta phân tán lực lượng đánh địch bên ngoài và giảm nhịp độ tiến công, địch tại thị xã Kon Tum nhanh chóng củng cố phòng ngự, tăng cường Trung đoàn 45. Ngày 11-5-1972, tướng Ngô Du bị cách chức, tướng Nguyễn Văn Toàn lên thay, tiến hành điều chỉnh thế bố trí, tập trung Sư đoàn 23 hình thành tuyến phòng thủ mới ở phía Bắc thị xã. Đến ngày 13-5, địch hoàn chỉnh thế trận: Trung đoàn 53 bố trí trên các hướng Bắc, Đông, Nam dọc hữu ngạn sông Đăk Bla; Trung đoàn 44 giữ khu vực ngã ba Trung Tín - Đường Ngang ở Tây Bắc; Trung đoàn 45 làm lực lượng dự bị tại căn cứ Lôi Hồ.

Trước sự thay đổi của địch, trong khi ta chưa đủ điều kiện đánh nhanh giải phóng thị xã, Thường vụ Đảng ủy Chiến dịch điều chỉnh kế hoạch thành hai bước: bước 1 đánh địch vùng ven; bước 2 tiến công các mục tiêu bên trong (Lịch sử bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3 (1964-2005), 2005: 345). Lực

lượng sử dụng gồm Sư đoàn 320, Sư đoàn 2, các Trung đoàn 28, 66 cùng lực lượng đặc công, xe tăng, pháo binh, phòng không tham gia.

Thực hiện bước 1, ngày 14-5, Trung đoàn 64 (được tăng cường 4 xe tăng T-54 và pháo binh) tiến công Tiểu đoàn 1 và Sở chỉ huy Trung đoàn 44 tại ngã ba Trung Tín - Đường Ngang, đánh thiệt hại nặng địch nhưng ta cũng tổn thất lớn. Ngày 15-5, Tiểu đoàn 4 (Trung đoàn 141) các mục tiêu vòng ngoài phía Bắc Kon Tum, Trung đoàn 48 tiến công Lôi Hồ từ phía Nam, song do chuẩn bị chưa tốt nên không đạt kết quả.

Trước nguy cơ Kon Tum bị uy hiếp và cô lập, ngày 21-5, địch mở cuộc hành quân “Bắc Bình Vương 7/2” nhằm khai thông Đường 14, với lực lượng gồm 2 liên đoàn biệt động quân, 1 tiểu đoàn bảo an và Trung đoàn 3 thiết giáp, có không quân, pháo binh yểm trợ. Để đánh bại cuộc hành quân này, Bộ Chỉ huy chiến dịch sử dụng Trung đoàn 95 và Trung đoàn 24 (thiếu) tổ chức chốt chặn kết hợp vận động tiến công, tiêu diệt từng bộ phận địch; Trung đoàn 48 cơ động đánh địch ở khu vực Chư Thoi, Tân Phú. Kết quả, ta diệt hơn 1.000 tên, phá hủy 62 xe quân sự, 4 khẩu pháo 105mm, tiêu diệt gọn 5 đại đội bộ binh và 2 đại đội thiết giáp, bẻ gãy cuộc hành quân của địch.

Như vậy, bước 1 của đợt 2 chiến dịch chưa đạt mục tiêu đề ra. Mặc dù ta tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực và phương tiện địch, song chưa tạo được đột biến chiến dịch do chưa tiêu diệt gọn các đơn vị cấp tiểu đoàn, chưa chiếm được bàn đạp thuận lợi để tiến công vào thị xã. Đồng thời, ta gặp nhiều khó khăn về quân số, hậu cần, kỹ thuật, nhất là trong điều kiện mùa mưa sắp đến. Trước tình hình đó, Quân ủy Trung ương chỉ đạo kiên quyết tiêu diệt Kon Tum. Theo đó, Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Chiến dịch tiếp tục động viên lực lượng, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh bảo đảm và chuẩn bị tiến công trong thời gian tiếp theo.

Bước 2: Tiến công thị xã Kon Tum

Bộ Tư lệnh Chiến dịch chỉ đạo: Sư đoàn 2 sử dụng Trung đoàn 1 đột phá từ Đông Bắc Biệt khu 24; Trung đoàn 141 (thiếu) tiến công hướng Đông Bắc thị xã; Trung đoàn 28 tiến công từ hướng Bắc; Trung đoàn 66 làm lực lượng dự bị. Sư đoàn 320 (thiếu) trước mắt tiêu diệt một bộ phận Trung đoàn 45 địch tại ngã ba Trung Tín và Đồi Tròn, sau đó phát triển tiến công Tây Bắc thị xã. Việc chỉ huy do Bộ Tư lệnh tiền phương đảm nhiệm.

Thực hiện kế hoạch, đêm 24-5-1972, ta bắt đầu tiến công thị xã Kon Tum. Các đơn vị Trung đoàn 48, Tiểu đoàn 6 (Trung đoàn 141), Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 1) và Đại đội 209 tổ chức vượt sông từ hướng Nam, Đông Nam tiến vào nội đô. Tiểu đoàn 2 chiếm khu vực Đông Nam sân bay Kon Tum; Tiểu đoàn 6 làm chủ khu vực phía Nam Tỉnh đường. Bị tiến công bất ngờ, địch điều lực lượng Trung đoàn 44 phản kích, song ngày 25-5, ta giữ vững trận địa, đánh bại nhiều đợt phản kích.

Trên hướng Đông Bắc, đêm 25-5, Trung đoàn 1 (có xe tăng, công binh tăng cường) đột phá qua tuyến phòng ngự của Trung đoàn 53, thọc sâu đánh chiếm Sở chỉ huy Trung đoàn 44 tại Ngọc Hồi, đồng thời làm chủ khu kho (40, 41) và bệnh viện dã chiến Bắc Biệt khu 24. Cùng thời gian, Đại đội 3 (Tiểu đoàn đặc công 10) dùng bộc phá mở cửa, chiếm một phần khu cơ giới.

Ở hướng Nam, Tiểu đoàn 6 (Trung đoàn 141) tiến công theo trục Phan Thanh Giản nhưng bị địch chặn lại, phải chuyển hướng phối hợp với Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 1) đánh vào Biệt khu 24, song gặp sự kháng cự quyết liệt của địch.

Bị ta tiến công mạnh, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 địch buộc phải rút lui về phía Nam thị xã Kon Tum và liên tục cơ động. Sở Chỉ huy Trung đoàn 44 chuyển về khu Tiểu đoàn 63 pháo binh. Ngày 26-5, địch sử dụng không quân và pháo binh đánh phá dữ dội vào các khu vực

ta đã chiếm được, sau đó tổ chức bộ binh, thiết giáp phản kích liên tiếp nhưng đều bị ta đánh thiệt hại nặng, buộc phải dừng lại.

Đêm 26-5, Bộ Tư lệnh Chiến dịch điều chỉnh nhiệm vụ của Sư đoàn 2: Trung đoàn 1 đảm nhiệm hướng Bắc, Trung đoàn 141 đảm nhiệm hướng Nam; các lực lượng Tiểu đoàn 6 (thiếu), Tiểu đoàn Đặc công 10 và Tiểu đoàn Công binh 15 làm mũi tiến công chủ yếu. Thực hiện kế hoạch, ta đẩy mạnh tiến công, chiếm được 2/3 Biệt khu 24 và 3/4 khu cơ giới. Tuy nhiên, đêm 27 rạng 28-5, Trung đoàn 1 tiến công khu Tiểu đoàn 63 nhưng do thiếu bộc phá nên phải lui ra; các mũi tiến công khác không phát triển được. Ở hướng Tây Bắc, Sư đoàn 320 tiến công chậm; Trung đoàn 52 tiếp tục bao vây Trung đoàn 45 tại Đồi Tròn, Trung đoàn 64 chưa đột phá được khu vực ngã ba Trung Tín.

Sau những ngày đầu tiến công, do hiệp đồng chưa chặt chẽ, các hướng không đồng loạt, địch có điều kiện tập trung lực lượng ngăn chặn hướng chủ yếu của ta. Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch quyết định đưa Trung đoàn 66 (dự bị) vào chiến đấu; điều chỉnh đội hình Sư đoàn 2, chuyển Trung đoàn 141 lên phía Bắc sân bay để đánh chiếm khu cơ giới, nối liền với khu vực đã chiếm giữ và bảo đảm hành lang. Đồng thời, điều Trung đoàn 48 (thiếu) tiến công khu vực cầu Đắc Bla, tăng cường sức ép từ các hướng Tây Bắc, Tây và Tây Nam nhằm phối hợp tiến công thị xã.

Thực hiện quyết tâm mới, các đơn vị tiếp tục đẩy mạnh tiến công, buộc Trung đoàn 45 địch lùi vào tuyến phòng ngự trong. Tuy nhiên, địch nhanh chóng được tăng viện, tổ chức phản kích quyết liệt, đồng thời sử dụng không quân, pháo binh đánh phá ác liệt, kể cả bom cháy và bom hóa học. Trong điều kiện đó, bộ đội ta vẫn kiên cường bám trụ, chiến đấu giữ trận địa.

Đến đầu tháng 6-1972, sau khoảng 10 ngày tiến công, ta mới chiếm được một phần thị xã Kon Tum; nhiều mũi tiến công bị chặn từ bên

ngoài, không phát triển vào trung tâm. Lực lượng bị tiêu hao lớn, đạn dược thiếu, xe tăng tổn thất nặng, trận then chốt không đạt mục tiêu đề ra. Điều kiện giải phóng hoàn toàn thị xã không còn, đêm ngày 5-6, rạng sáng ngày 6-6-1972, Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Chiến dịch quyết định rút quân khỏi Kon Tum, kết thúc Chiến dịch Bắc Tây Nguyên và chuyển sang đánh phá bình định.

3. Kết luận

Trải qua 68 ngày đêm chiến đấu, mặc dù chưa đạt mục tiêu cao nhất là giải phóng thị xã Kon Tum, chiến dịch vẫn giành thắng lợi lớn có ý nghĩa chiến lược. Ta tiêu diệt Sư đoàn 22 (thiếu), đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 23, Sư đoàn dù 2, 2 liên đoàn biệt động quân (2, 6) và 10 tiểu đoàn khác; loại khỏi vòng chiến đấu 27.953 tên; bắn rơi, phá hủy 212 máy bay, 1.227 xe quân sự, 146 pháo cối lớn; phá hủy 75 kho, 25 cầu cống, 1 đài ra đa; thu 3.518 súng, 88 xe quân sự, 3 trực thăng, 228 vô tuyến điện, 4 tổng đài, gần 9.000 viên đạn pháo; giải phóng phần lớn tỉnh Kon Tum với khoảng 4 vạn dân (Lịch sử bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3 (1964-2005), 2005: 348).

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên năm 1972 cho thấy Bộ Tư lệnh chiến dịch đã xác định đúng vị trí, vai trò từng khu vực trong thế trận chung, qua đó góp phần giành thắng lợi quan trọng. Khu vực Đăk Tô - Tân Cảnh được chọn làm hướng tiến công chủ yếu, mục tiêu mở đầu ở phía Tây sông Pô Kô; đồng thời xác định các khu vực Đường 14, Kôn Kô, Diên Bình, Nam Chư Thoi để hình thành thế bao vây, chia cắt chiến dịch. Nhờ đó, ta tập trung được sức mạnh hiệp đồng binh chủng, từng bước phá vỡ hệ thống phòng ngự của địch. Cùng với việc lựa chọn đúng mục tiêu, phương thức tác chiến “vây hãm, tiêu diệt sinh lực địch kết hợp với đột phá” được vận dụng linh hoạt: kéo địch ra ngoài để tiêu diệt trong vận động, kết hợp cắt đường bộ, không chế đường không,

làm suy yếu địch trước khi đột phá vào các mục tiêu trọng yếu.

Trong đó, nổi bật về nghệ thuật chiến dịch là nghệ thuật lập thế trận, điều địch ra khỏi công sự để tiêu diệt, chia cắt và làm giảm sức chiến đấu của chúng, từ đó tập trung lực lượng đánh vào các khu vực phòng ngự sơ hở, trước hết là Đăk Tô - Tân Cảnh, tạo bàn đạp tiến công Kon Tum. Đồng thời, nghệ thuật nghi binh được vận dụng hiệu quả, như việc làm đường nghi binh sát Kon Tum, buộc địch phải giam chân lực lượng trong thị xã, tạo điều kiện cho ta tập trung giải quyết mục tiêu chủ yếu.

Đánh giá về Chiến dịch Bắc Tây Nguyên năm 1972, một số học giả và quân nhân Mỹ thừa nhận quy mô, tính chất ác liệt và sức ép lớn mà quân đội nhân dân Việt Nam tạo ra. Quân đội nhân dân Việt Nam đã tập hợp 35.000 quân để tấn công Kon Tum dưới sự chỉ huy của một trong những vị tướng giỏi nhất của mình - Thiếu tướng Hoàng Minh Thảo... Đây là một cuộc chiến tranh chưa từng thấy ở Nam Việt Nam kể từ cuộc chiến tranh với Pháp. Nó thật đáng sợ đối với quân đội Việt Nam Cộng hòa (Eggleston, M. A, 2017: 145, 146). Họ biết rằng cuộc chiến đã thua... Tất cả đều do thiếu sự lãnh đạo chuyên nghiệp của quân đội Việt Nam Cộng hòa” (Eggleston, M. A, 2017: 149). Ở góc độ chiến lược của cuộc tiến công năm 1972: “một số viên chức Lầu Năm Góc tin rằng Hà Nội muốn có lợi ích tâm lý từ một “chiến thắng quyết định”... Thay vào đó, những người Cộng sản muốn một chiến thắng thực sự như ở Điện Biên Phủ” (McKenna, T. P, 2011: 59).

Tuy nhiên, chiến dịch chưa đạt mục tiêu đề ra là tiêu diệt lực lượng cơ động lớn của địch, nhất là lực lượng tổng dự bị. Trong tiến công Kon Tum, hiệp đồng giữa các hướng chưa chặt chẽ, lực lượng sử dụng còn dàn trải, dẫn đến thương vong và hiệu quả hạn chế. Đặc biệt, khi đã tạo được thời cơ, gây rối loạn trong nội đô,

ta chưa kịp thời khai thác, bỏ lỡ thời cơ then chốt, tạo điều kiện cho địch củng cố, tăng viện và tổ chức phòng ngự, làm thất bại mục tiêu giải phóng thị xã. Những hạn chế trên bắt nguồn từ việc sử dụng lực lượng chưa tập trung, hiệp đồng chưa chặt; đánh giá tình hình chưa sát, công tác chuẩn bị chưa đầy đủ, quyết tâm chưa kiên quyết; tổ chức bảo đảm thông tin liên lạc còn yếu, thiếu phương án dự phòng. Bên cạnh đó, kinh nghiệm tác chiến trong đô thị còn hạn chế, trong khi địch đã điều chỉnh thể phòng ngự mà ta chưa kịp thời thay đổi cách đánh, dẫn đến tổn thất và không đạt mục tiêu cuối cùng của chiến dịch.

Tóm lại, chiến dịch Bắc Tây Nguyên trong cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè năm 1972 giành thắng lợi lớn, có ý nghĩa chiến lược, góp

phần quan trọng vào việc đánh bại một bước chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Đồng thời, chiến dịch để lại nhiều bài học cả về thành công và hạn chế, có giá trị thực tiễn sâu sắc trong tổ chức, chuẩn bị và thực hành chiến dịch tiến công trên địa bàn rừng núi. Những bài học, đặc biệt về nghệ thuật tạo lập thế trận, tiếp tục được phát triển và vận dụng ở trình độ cao hơn trong chiến dịch Tây Nguyên năm 1975. Vì vậy, việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm từ chiến dịch này có ý nghĩa thiết thực, góp phần bổ sung lý luận nghệ thuật chiến dịch Việt Nam và phục vụ công tác huấn luyện, chỉ huy, xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. 2001. *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. 2003. *Hệ thống tổ chức quân sự của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa trong chiến tranh Việt Nam (1965-1975)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. 2015. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, Tập VII: Thắng lợi quyết định năm 1972 (xuất bản lần thứ ba). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. 2022. *Một số chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Tập 3: 1972-1974. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2004. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 33 (1972). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng ủy Quân đoàn 3. 2009. *Lịch sử Đảng bộ Mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3 (1964-2009)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- Eggleston, M. A. 2017. *Dak To and the Border Battles in Vietnam, 1967-1968*. Jefferson, NC: McFarland & Company.
- Lịch sử bộ đội chủ lực Mặt trận Tây Nguyên - Quân đoàn 3 (1964-2005)*. 2005. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- Mặt trận Tây Nguyên. 1972. *Tổng kết năm 1972*. Phòng Quân đoàn 3, Hồ sơ số 34-BTL, tờ 2. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng.
- McKenna, T. P. 2011. *Kontum: The Battle to Save South Vietnam*. Lexington: University Press of Kentucky.
- Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam*. 05-1971. Lưu tại Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam.
- Nghị quyết Quân ủy Trung ương, số 236*. 06-1971. Lưu tại Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam.
- Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bộ Tổng tham mưu. 2010. *Lịch sử Bộ Tổng tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Tập 4 (1969-1972). Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
- Tòa Đại biểu Chính phủ Cao Nguyên Trung Phần, Việt Nam Cộng hòa. 1960. *Hiện tình Tây Nguyên*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh, Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa, ký hiệu 15234.